

LUẬN ĐẠI THỪA A-TỶ-ĐẠT-MA TẬP TẬP

QUYỂN 14

PHẦN QUYẾT TRẠCH

Phẩm 3: ĐẮC (Phần 2)

- *Vô tránh*: Là nương vào tính lự trong ngăn ngừa sự khởi phiền não của người khác mà trụ cụ túc, hoặc định hoặc tuệ và phiền não kia tương ứng các tâm tâm pháp. Vì sao? Vì người trụ vô tránh hoặc muốn đến chỗ nên thấy của tất cả hữu tình, trước hết tại nơi mình ở, dùng nguyện trí lực quán hữu tình kia: “Đối với thân ta trong vị lai hiện hành ở trước hay không”? Quán như vậy rồi, nếu biết sự đang khởi phiền não ái, sân, san, tật... đối với ta, thì liền không đến, nếu phiền não không đang khởi thì đến nơi đó để có thể che chở phiền não tranh chấp của người kia khiến cho không khởi, nên gọi là Vô tránh.

- *Nguyện trí*: Là dựa vào Tính lự trong sự biết rõ nguyện sở tri đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ như trước đã nói. Vì sao? Vì người đắc nguyện trí vì muốn biết rõ những sự đáng biết trong ba đời, trước hết đối với các sự kia phát tâm chánh nguyện, nguyện ta như thật biết rõ như vậy như vậy, kể là nhập Tính lự tăng thượng, từ Tính lự kia phát khởi rồi, thì điều nguyện thành mãn, là có thể biết rõ điều nên biết.

- *Vô ngại giải*: Là bốn vô ngại:

1. Pháp vô ngại giải.
2. Nghĩa vô ngại giải.
3. Huấn từ vô ngại giải.
4. Biện tài vô ngại giải.

+ *Pháp vô ngại giải*: Là nương vào Tính lự, đối với tất cả pháp danh sai khác, đầy đủ vô ngại, hoặc định hoặc tuệ và còn ra như đã nói ở trước gọi là sai khác, là dựa vào vô minh... trong vô trí vô kiến không hiện quán gọi bình đẳng và sai khác. Vô ngại đầy đủ hoặc định hoặc tuệ cho đến nói rộng, gọi là Pháp vô ngại giải.

+ Nghĩa vô ngại giải: Là trong các tướng và ý thú, vô ngại đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ như trước đã nói. Tướng, là tự tướng và cộng tướng của các pháp. Ý hướng, là biệt nghĩa... hoặc trong đây thông đạt vô ngại đầy đủ, gọi là nghĩa vô ngại giải.

+ Huấn từ vô ngại giải: Là trong ngôn âm của các địa phương và ngôn từ của các pháp, vô ngại đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ còn lại như trước đã nói. Ngôn âm của các phương, là vô lượng quốc ấp đều tùy tự tướng sanh khởi các thứ ngôn âm sai khác để huấn thích các pháp. Ngôn từ, là có thể bị hủy hoại nên gọi là thế gian, có thể biến hoại nên gọi là sắc, nếu trong đó thông đạt vô ngại, thì gọi là huấn từ vô ngại.

+ Biện tài vô ngại giải: Là trong các pháp sai khác, vô ngại đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ ngoài ra như trước nói. Các pháp sai khác, là hữu thật, hữu giả, hữu thế tục, hữu thắng nghĩa... nếu trong đó thông đạt vô ngại, thì gọi là biện tài vô ngại

- *Thần thông*, là sáu thần thông:

1. Thần cảnh thông.
2. Thiên nhĩ thông.
3. Tâm sai khác thông.
4. Túc trụ tùy niệm thông.
5. Tử sinh thông.
6. Lậu tận thông.

+ Thần cảnh thông: Là nương vào Tĩnh lực đối với các thứ thần biến, oai đức đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ và sự đầy đủ kia tương ứng các tâm tâm pháp. Các thứ thần biến oai đức đầy đủ, là biến một thành nhiều... các thứ thần biến tự tại đầy đủ.

+ Thiên nhĩ thông: Là nương vào Tĩnh lực trong tùy nghe các thứ âm thanh, oai đức đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ còn lại như trước đã nói. Các thứ thanh, là tiếng nói của người, trời v.v...

+ Tâm sai khác thông: Là nương vào Tĩnh lực trong nhập tha hữu tình tâm hạnh sai khác, oai đức đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ còn lại như trước đã nói. Nhập tha hữu tình tâm hạnh sai khác, là như thật biết tâm hạnh sai khác của hữu tham...

+ Túc trụ tùy niệm thông: Là nương vào Tĩnh lực trong việc làm của tùy niệm mé trước, oai đức đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ còn lại như trước đã nói. Việc làm của tùy niệm, là tùy theo niệm quá khứ sinh danh tự, chủng tộc... xoay vần có các sự sai khác.

+ Tử sinh thông: Là nương vào Tĩnh lực trong quán hữu tình tử sinh sai khác, oai đức đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ còn lại như trước đã nói.

Quán các hữu tình tử sinh sai khác, là dùng thiên nhãn quán các hữu tình khi tử khi sinh, sắc tốt sắc xấu, phải đến đường thiện hay phải đến đường ác, gọi là mé sau sai khác.

+ *Lậu tận thông*: Là nương vào Tĩnh lự trong trí lậu tận, oai đức đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ và đầy đủ kia tương ứng các tâm tâm pháp. Trí lậu tận, là vì trí này thông đạt tất cả phương tiện lậu tận và các lậu tận. Oai đức đầy đủ, là trí này đã được thành mãn.

- *Tướng tùy hảo*: Là nương vào Tĩnh lự trong chỗ nương của tướng tùy hảo trang nghiêm thị hiện đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ và đầy đủ kia tương ứng các tâm tâm pháp, đều là chỗ khởi quả Dị thực của sự đầy đủ kia. Vì sao? Là vì Phật Thế Tôn do năng lực định tuệ tăng thượng, vì muốn hóa độ các hữu tình nên thị hiện ba mươi hai tướng đại trượng phu và tám mươi tướng tùy hảo trang nghiêm sắc thân, nhưng Phật Thế Tôn không phải tự thể trang nghiêm, vì đó là sự hiển của Pháp thân. Nếu các Bồ-tát có thể hiển bày như vậy, thì phải biết định tuệ làm tự tánh của Bồ-tát. Nếu điều khác trong hội đại tập mà sinh, thì dùng sự khởi quả Dị thực kia làm tự tánh.

- *Thanh tịnh*, là bốn thanh tịnh:

1. Chỗ nương thanh tịnh.
2. Cảnh giới thanh tịnh.
3. Tâm thanh tịnh.
4. Trí thanh tịnh.

Bốn thứ như vậy là nhất thiết tướng thanh tịnh, chỉ là đại thần thông mà Phật Thế Tôn và Đại Bồ-tát đã được.

+ *Chỗ nương thanh tịnh*: Là nương vào Tĩnh lự tùy sự mong muốn nương tựa nhiếp lấy trụ, xả đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ và đầy đủ kia tương ứng các tâm tâm pháp. Giữ lấy trụ xả đầy đủ, là tùy sự muốn sinh thì liền có thể chấp lấy. Đã sinh rồi thì tùy theo ý muốn, phần lượng của tuổi thọ, có thể giữ lại. Nếu muốn xả tuổi thọ thì liền có thể xả, như thứ lớp mà ba thứ đầy đủ.

+ *Cảnh giới thanh tịnh*: Là tùy ý muốn cảnh giới trí biến hóa đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ cho đến nói rộng. Trí biến hóa đầy đủ, là trước không có sắc nay có sắc gọi là hóa chuyển, trước đã sinh sắc... khiến thành vàng, bạc... gọi là biến. Giác ngộ tất cả thứ cảnh tướng sai khác gọi là trí. Như thứ lớp mà ba thứ đầy đủ.

+ *Tâm thanh tịnh*: Là như ý muốn mà môn Tam-ma-địa tự tại đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ và ý đầy đủ kia tương ứng các tâm tâm pháp. Do tùy theo sự muốn mà từng sát-na có thể nhập vô lượng Tam-ma-địa

sai khác.

+ Trí thanh tịnh: Là nương vào Tĩnh lực tùy sự mong muốn mà môn đà-la-ni chấp thọ đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ và sự đầy đủ kia tương ứng các tâm tâm pháp. Môn Đà-la-ni chấp thọ đầy đủ, là trong bốn mươi hai tự mẫu hệ tư duy bất cứ một tự mẫu nào, lấy tự mẫu này làm đầu thì có thể chứng đắc tất cả pháp danh ngôn khéo léo khác nhau.

- *Lực*: Là mười lực của như lai:

1. Xứ phi xứ trí lực.
2. Tự nghiệp trí lực.
3. Tĩnh lực giải thoát Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đế trí lực.
4. Căn thượng hạ trí lực.
5. Chủng chủng thắng giải trí lực.
6. Chủng chủng giới trí lực.
7. Biến thú hành trí lực.
8. Túc trụ tùy niệm trí lực.
9. Tử sinh trí lực.
10. Lưu tận trí lực.

+ Xứ phi xứ trí lực: Là nương vào Tĩnh lực trong tất cả thứ xứ phi xứ trí đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ và sự đầy đủ kia tương ứng các tâm tâm pháp. Tất cả thứ xứ phi xứ trí đầy đủ, là tất cả Tam-ma-địa... trong tất cả thứ trí nhân phi nhân, hiện hành không chấp, không ngại.

+ Tự nghiệp trí lực: Là trong tất cả thứ lớp nghiệp trí đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ còn lại như trước đã nói. Vì tất cả Tam-ma-địa... trong tất cả thứ lớp nghiệp trí, hiện hành không chấp, không ngại, như vậy các lực khác tùy sự thích ứng của nó mà phải chánh lập ra làm thế nào cho tùy sự thích ứng của nó!

+ Tĩnh lực giải thoát Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đế trí lực: Là trong tất cả thứ tĩnh lực, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí trí đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ còn lại như trước đã nói. Do tất cả Tam-ma-địa trong trong tất cả thứ tĩnh lực, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí trí, hiện hành không chấp, vô ngại làm thế.

+ Căn thượng hạ trí lực: Là tất cả Tam-ma-địa... trong tất cả thứ căn thượng hạ trí, hiện hành không chấp, không ngại.

+ Chủng chủng thắng giải trí lực: Là tất cả Tam-ma-địa... trong tất cả thứ sai khác, trí thắng giải, hiện hành không chấp, không ngại.

+ Chủng chủng giới trí lực: Là tất cả Tam-ma-địa... trong tất cả thứ sai khác giới trí, hiện hành không chấp, không ngại.

+ Biến thú hạnh trí lực: Là tất cả Tam-ma-địa... trong tất cả thứ

biến thứ hành trí, hiện hành không chấp, không ngại .

+ Túc trụ tùy niệm trí lực: Là tất cả Tam-ma-địa... trong tất cả thứ trí túc trụ tùy niệm, hiện hành không chấp, không ngại.

+ Tử sinh trí lực: Là tất cả Tam-ma-địa... trong tất cả thứ trí tử sinh, không chấp, không ngại hiện hành.

+ Lưu tận trí lực: Là tất cả Tam-ma-địa... trong tất cả thứ tận trí, hiện hành không chấp, không ngại.

- Vô úy, là 4 vô úy:

1. Chánh đẳng giác vô úy.

2. Lưu tận vô úy.

3. Chướng pháp vô úy.

4. Xuất khổ đạo vô úy.

+ Chánh đẳng giác vô úy: Là nương vào Tĩnh lực do môn tự lợi, trong tất cả cảnh giới đã biết, chánh đẳng giác, tự xưng đức hiệu, lập ra đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ và sự đầy đủ kia tương ứng các tâm tâm pháp. Như kinh nói: “Ta là bậc chánh giác. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian, hoặc thiên ma, phạm chí nào, dựa vào pháp lập vấn nạn, hoặc khiến nhớ nghĩ nói: Pháp đó là phi chánh đẳng giác ! Ta đối với việc đó thường chánh kiến không duyên, vì đối với việc đó chánh kiến không lý do, nên đắc an ổn trụ không kinh không sợ, tự xưng ta ở vị bậc Đại tiên, trong đại chúng, chánh là sư tử gầm chuyển đại phạm luân, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn thế gian hoặc thiên ma không thể chuyển”.

+ Lưu tận vô úy: Là nương vào Tĩnh lực do môn tự lợi, trong tất cả thứ lưu tận, tự xưng đức hiệu, lập ra đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ còn lại như trước đã nói. Như kinh nói: “Ta, các lậu đã dứt hẳn như thế...” nói rộng như trước.

+ Chướng pháp vô úy: Là nương vào Tĩnh lực do lợi tha môn, trong tất cả thứ thuyết chướng ngại pháp, tự xưng đức hiệu, lập ra đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ còn lại như trước đã nói. Như kinh nói: “Lại nữa, ta vì các đệ tử nói pháp chướng ngại, nhiệm thì bị chướng...” Cho đến nói rộng.

+ Xuất khổ đạo vô úy: Là nương vào tĩnh lực, do môn lợi tha, trong tất cả thứ nói xuất ly đạo pháp, tự xưng đức hiệu, lập ra đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ còn lại như trước đã nói. Như kinh nói: “Lại, ta vì các đệ tử nói đạo xuất ly, các thánh tu tập chắc chắn xuất ly, chắc chắn thông đạt. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn thế gian hoặc thiên ma phạm chí, dựa vào pháp ấy lập vấn nạn, hoặc làm cho nhớ lại rằng: Tu đạo này chẳng phải chánh xuất ly, không chánh hết khổ và chúng khổ biên! Ta đối với

việc đó, thường chánh kiến vô duyên...” Cho đến nói rộng. Như vậy bốn vô úy nói lược có hai loại là tự lợi và lợi tha, hai loại trước là tự lợi, vì trí đoạn sai khác, hai loại sau là lợi tha, vì xa lìa pháp được đối trị, tu tập pháp năng trị, vì chánh đẳng giác vô úy do nội trí nơi môn tự lợi rằng: “Ta đối với tất cả thứ bờ mé sai khác của cảnh giới sở tri đều chánh đẳng giác, trong tất cả thế gian trước tự xưng đức hiệu lập chánh vô nạn đầy đủ, hoặc định tất cả định tuệ cho đến nói rộng”. Phải biết các vô úy còn lại cũng vậy. Tất cả thứ tận trí, là các phiền não gồm cả tập khí dứt hẳn. Tất cả thứ pháp chướng ngại, là tất cả tạp nhiễm bị đối trị. Tất cả thứ đạo xuất ly, là từ đạo phương tiện cho đến đạo rốt ráo.

- *Niệm trụ*: Tức là ba niệm trụ bất cộng của các Như Lai, là khi điều phục đại chúng trong tất cả thứ phiền não không hiện hành đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ như trước đã nói rộng.

Thế nào là ba niệm trụ? cái gọi là đại sư thương xót tất cả, vì muốn cầu nghĩa lợi mà khởi tâm đại bi, vì chư đệ tử mà nói pháp yếu, bảo các Tỷ-kheo rằng: “Các thầy nên biết, pháp này có thể làm lợi ích, pháp này có thể tạo an vui, pháp này có thể làm lợi ích an vui, lúc đó hoặc chúng đệ tử cung kính nghe lời, nghe rồi thọ nhận, tâm vâng theo lời dạy, tinh tiến tu hành pháp Tùy pháp hành. Như Lai đối với chúng đệ tử kia không sinh vui mừng, tâm không hớn hở, chỉ khởi đại xả, trụ niệm, chánh tri, tùy sự phải tu tập, răn dạy, truyền dạy của các thánh chúng, gọi đó là bất cộng niệm trụ thứ nhất”.

Lại nữa, đại sư thương xót tất cả, muốn cầu nghĩa lợi mà khởi tâm đại bi, vì các đệ tử mà nói pháp yếu, cho đến đây là pháp có thể làm lợi ích an vui, lúc đó hoặc có chúng đệ tử không cung kính nghe lời, cho đến không tinh tiến tu hành pháp Tùy pháp hành. Như Lai đối với chúng đệ tử đó, không sinh sân hận, không buông bỏ, bảo hộ, tâm không buồn giận, chỉ khởi đại xả... cho đến nói rộng, đó gọi là bất cộng niệm trụ thứ hai.

Lại nữa, đại sư thương xót tất cả, muốn cầu nghĩa lợi mà khởi tâm đại bi, vì các đệ tử mà nói pháp yếu, cho đến đây là pháp có thể làm lợi ích an vui, lúc đó một phần chúng đệ tử cung kính nghe lời, cho đến tinh tiến tu hành pháp tùy pháp hành, một phần đệ tử không cung kính nghe lời, cho đến không tinh tiến tu hành pháp Tùy pháp hành. Như Lai đối với các chúng đệ tử kia không sinh vui mừng, cho đến tâm không buồn giận, chỉ khởi đại xả... cho đến nói rộng, đó gọi là bất cộng niệm trụ thứ ba.

Ba thứ niệm trụ như vậy nói về đại sư khi điều phục đại chúng,

tùy thứ lớp trong tất cả thứ ái, sân, cấu phiền não gồm cả tập khí không hiện hành đầy đủ, tất cả định tuệ v.v... làm thể.

- *Bất hộ*: Tức là ba bất hộ, là khi đại sư điều phục chúng, tùy sự mong muốn mà giáo thọ giáo giới phương tiện đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ cho đến nói rộng về ba bất hộ? Như kinh nói: “Như lai thân nghiệp thanh tịnh hiện hành, đều thanh tịnh! Hiện hành thân nghiệp có thể cần phải ẩn giấu, là không để cho người khác biết tất cả ngữ nghiệp ý nghiệp của ta hiện hành cũng vậy, vì tâm của đại sư kia không có lo nghĩ sợ sệt, khéo điều phục đã hóa độ tất cả đại chúng, tùy theo ý muốn của đại chúng mà tự nhiên sức mạnh điều phục nhiếp thọ giáo giới, giáo thọ, phương tiện đầy đủ.

- *Không quên bỏ Pháp*, là tất cả thứ tùy sự tạo tác giảng nói thường nhớ rõ đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ cho đến nói rộng. Trong đây nói về môn y hóa sự, tất cả Tam-ma-địa... trong tùy sự tạo tác thuyết giảng mà niệm đầy đủ, là pháp không quên bỏ.

- *Dứt hẳn tập khí*: Là bậc Nhất thiết trí, trong phi Nhất thiết trí, sự tạo tác không hiện hành đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ cho đến nói rộng. Trong đây nói về bậc Nhất thiết trí tất cả Tam-ma-địa... trong tất cả thể biểu hiện thân ngữ đã tạo tác của phiền não chướng và sở tri chướng hữu dư không hiện hành đầy đủ, là dứt hẳn tập khí.

- *Đại bi*, là trong duyên cảnh khổ vô gián mà đại bi trụ đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ cho đến nói rộng. Trong đây nói về tất cả Tam-ma-địa... Duyên tất cả hữu tình nơi ba cõi vô gián, tất cả thứ cảnh khổ mà đại bi trụ đầy đủ, gọi là đại bi.

- *Mười tám pháp Bất cộng của Phật*: Tức là mười tám Bất cộng của pháp Phật.

Hỏi: Các pháp này thế nào?

Đáp: Là trong nghiệp thân ngữ ý thanh tịnh bất cộng đầy đủ, trong chỗ nường, quả và căn chưa đắc bất thoái đầy đủ, trong nghiệp bất cộng hiện hành đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ cho đến nói rộng. Về mười tám pháp, như kinh nói: “Như lai không có lỗi lầm, không có âm thanh vội vã, không có quên niệm, không có tâm bất định, không có các thứ tưởng, không có bất trạch xả, chí dục không thoái chuyển, tinh tiến không thoái chuyển, niệm không thoái chuyển, định không thoái chuyển, tuệ không thoái chuyển, giải thoát không thoái chuyển, tất cả thân nghiệp trí làm dẫn đường đi trước tùy theo trí mà chuyển, tất cả ngữ nghiệp trí làm tiền đạo tùy theo trí mà chuyển, tất cả ý nghiệp trí làm tiền đạo tùy theo trí mà chuyển, biết đời quá khứ vô nhiễm vô ngại, biết đời vị lai

không nhiệm không ngại, biết đời hiện tại vô nhiễm vô ngại”. Lập ra tướng pháp bất cộng của Phật như kinh có nói rộng.

- *Như Lai không có lỗi lầm*: Là A-la-hán Tỳ-kheo tuy lậu đã hết, nhưng khát thực đi vào thành ấp, hoặc có khi cùng với voi dữ, ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ... cùng đi cùng dừng, hoặc có khi giẫm lên gai bụi, vượt qua hầm hố, hoặc có khi vào nhà người nữ, nói năng không theo chánh lý, hoặc có khi trong rừng hoang, từ bỏ chánh đạo mà hành lối tử đường tà; hoặc cùng với đạo tặc hung hăng, thú dữ... cùng đi cùng dừng. Những sự lầm lỗi như vậy A-la-hán còn có, Như Lai thì không có bao giờ.

- *Không có âm thanh vọng vĩa*: Là A-la-hán hoặc có khi đi vào rừng rậm hoang vắng bị lạc đường, hoặc vào nhà trống phát tiếng gọi to âm thanh vọng vĩa, há miệng cười lớn. Những âm thanh như vậy, A-la-hán còn có, Như Lai thì dứt hẳn không có.

- *Không có lãng quên*: Là A-la-hán còn có bất nhiễm ô, sự tạo tác lâu xa và sự giảng nói lâu xa đã quên mất niệm, Như Lai thì không có bao giờ.

- *Không có tâm bất định*: Là A-la-hán do buộc giữ tâm mới được định, khi xuất thì liền không định, Như Lai bất cứ lúc nào đều định.

- *Tâm không có các thứ tướng*: Là A-la-hán đối với sinh tử hữu dư khởi tướng trái nghịch, đối với Niết-bàn vô dư khởi tướng vắng lặng, Như Lai đối với sinh tử và Niết-bàn đều không có ý nghĩ sai khác, vì trụ đại xả bậc nhất.

- *Đều Trạch xả*: Là A-la-hán không dùng trí tuệ chọn lựa, từ bỏ sự lợi ích của hữu tình, Như Lai thì không có các việc này, nên không có chọn, bỏ.

Lại nữa, A-la-hán đối với sở tri chướng tịnh có thoái chuyển vì chưa đắc, là Chí dục thoái, Tinh tiến thoái, Niệm thoái, Định thoái, Tuệ thoái, Giải thoát thoái. Sáu thứ thoái chuyển như vậy Như Lai không bao giờ có.

Lại nữa, A-la-hán hoặc có khi thân nghiệp thiện chuyển, hoặc có khi thân nghiệp Vô ký chuyển, ngữ nghiệp và ý nghiệp cũng vậy, vì ba nghiệp trí của Như Lai luôn đi trước dẫn dắt, tùy trí chuyển, nên không có vô ký. Trí đi trước dẫn dắt, là sự khởi bình đẳng của trí. Tùy trí mà chuyển, là cùng với trí đồng hành.

Lại nữa, A-la-hán Tỳ-kheo đối với các sự việc sở tri của ba đời, không thể khởi tâm hiểu ngay, nên trí kiến có đấm nhiễm, không thể tất cả đều hiểu, do đó trí kiến có chướng ngại. Như lai đối với cảnh của ba đời khi tạm khởi tâm thì liền biết khắp tất cả, nên trí kiến không đấm

nhiệm và không có ngại. Trong mười tám bất cộng, sáu pháp trước tất cả Tam-ma-địa... trong bất cộng nghiệp thân ngữ ý thanh tịnh làm thể. Không có lầm lỗi là nói theo thân nghiệp thanh tịnh, không có âm thanh vọng vãi, là dựa vào ngữ nghiệp thanh tịnh mà nói, không có niệm quên mất, không có tâm bất định, không có các thứ tưởng và không có bất trạch xả, bốn thứ này là dựa vào ý nghiệp thanh tịnh mà nói. Chí dục không thoái chuyển, tinh tiến không thoái chuyển, niệm không thoái chuyển, định không thoái chuyển, tuệ không thoái chuyển và giải thoát không thoái chuyển... Trong chỗ nương sáu thứ này, quả và căn chưa đắc bất thoái đầy đủ tất cả Tam-ma-địa làm thể. Chỗ nương là chí dục, quả là giải thoát, căn là tinh tiến... tất cả nghiệp thân ngữ ý trí làm kẻ đi trước dẫn dắt tùy trí mà chuyển, ba thứ này tất cả Tam-ma-địa làm thể... trong nghiệp bất cộng hiện hành đầy đủ. Biết quá khứ, vị lai và hiện tại vô nhiễm vô ngại, ba thứ này tất cả Tam-ma-địa làm thể... trong trí bất cộng trụ đầy đủ.

- *Nhất thiết chủng diệu trí*: Là trong Uẩn, Giới, Xứ Nhất thiết chủng diệu trí tánh đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ và sự đầy đủ kia tương ứng các tâm tâm pháp.

Hỏi: Thế nào là Uẩn, Giới, Xứ Nhất thiết chủng diệu trí tánh đầy đủ?

Đáp: Là đối với tự tánh sai khác nơi tướng của uẩn giới xứ, thông đạt tất cả sai khác về bờ mé trí thành mãn.

Hỏi: Thế nào là dẫn phát các công đức như vậy?

Đáp: Là dựa vào bốn Tĩnh lự thanh tịnh, hoặc ngoại đạo, hoặc Thanh văn hoặc Bồ-tát... để dẫn phát bốn vô lượng và năm thần thông, phần nhiều dựa vào bờ mé tĩnh lự thứ tư, hoặc Thanh văn hoặc Bồ-tát hoặc Như Lai, để dẫn phát các công đức khác.

Hỏi: Nhân duyên gì dẫn phát các công đức như vậy?

Đáp: Dựa vào Tĩnh lự thường tư duy, tùy chỗ lập ra pháp. Trong đây nói về những công đức như vậy dẫn phát chỗ nương, có thể dẫn phát Bồ-đặc-già-la, có thể dẫn phát phương tiện.

Hỏi: Thế nào là có thể dẫn phát phương tiện?

Đáp: Là đối với tùy sự lập ra giáo pháp, dùng nhiều tác ý và tâm định mà thường khởi tư duy hành tướng. Như khi muốn dẫn phát vô lượng thì nương vào Tĩnh lự, đối với giáo pháp của từ câu tâm (từ bi đồng thời với tâm) không hận không oán, dùng tu tuệ tương ứng với tác ý mà thường tư duy. Khi muốn dẫn phát thần thông... thì nương vào tĩnh lự, đối với giáo pháp biến một thành nhiều... Dùng tu tuệ tương ứng tác

ý mà thường tư duy, như vậy đối với tất cả xứ thường tư duy, như sự lập ra phải biết là tùy tướng.

Lại, những công đức như vậy lược có hai thứ:

1. Hiện tiền phát khởi tác dụng của mình.
2. An trụ tự tánh.

Hoặc hiện tiền phát khởi tác dụng của mình, dùng trí thể tục sau khi xuất thế gian làm thể, hoặc an trụ tự tánh dùng trí xuất thế gian làm thể. Lại nữa, hiện tiền phát khởi tự sở tác dụng, là các bậc Thánh tùy sự thích ứng mà phát khởi, đoạn các thứ tác nghiệp của đối tượng được trị chướng. An trụ tự tánh, là thuộc về trí Vô phân biệt vắng lặng tối thắng, là hiện pháp lạc trụ của vô duyên vô lượng.

Hỏi: Lại nữa, vô lượng khởi nghiệp gì?

Đáp: Là xả chướng sở trị, vì trụ trong tâm thương xót, có thể mau chóng tròn đầy tư lương phước đức, thành thực hữu tình, tâm không mệt mỏi. Xả chướng sở trị, là như thứ lớp của bốn tâm vô lượng, có thể xả sâu hại vì không ưa ái sâu. Trụ nơi tâm thương xót là bốn vô lượng, đối với sự lợi ích của các hữu tình thuận theo chuyển trụ. Vì đối với tất cả hữu tình trụ tâm thương xót nên có thể mau chóng tròn đầy tư lương phước đức. Thành thực hữu tình tâm không mệt mỏi, là do thương xót các hữu tình mà không màng thân mình.

Hỏi: Giải thoát nghiệp gì?

Đáp: Là dẫn phát sự biến hóa, đối với biến hóa tịnh và biến hóa bất tịnh không có khó khăn, đối với giải thoát vắng lặng không có dính mắc, có thể trụ thánh trụ vắng lặng bậc nhất, vì thắng giải tư duy. Trong đây nói về giải thoát bậc nhất và đệ nhị có thể dẫn phát sự biến hóa, do giải thoát đệ ba đối với biến hóa tịnh và bất tịnh không có khó khăn, do bốn Vô Sắc giải thoát đối với giải thoát vắng lặng không có trở ngại, do giải thoát sau rốt có thể trụ thánh trụ vắng lặng bậc nhất, do thắng giải tư duy, là hiển bày nghĩa như vậy như vậy của thắng giải là nghĩa của giải thoát.

Hỏi: Thắng xứ khởi nghiệp gì?

Đáp: Là có thể khiến cho cảnh giới sở duyên của ba thứ giải thoát trước tự tại mà chuyển, vì điều phục được sở duyên.

Hỏi: Biến xứ khởi nghiệp gì?

Đáp: Là khéo có thể thành xong sở duyên của giải thoát, vì lưu hành đầy khắp.

Hỏi: Vô tránh khởi nghiệp gì?

Đáp: Là khi phát ra lời nói, ai nghe cũng đều tin phục, vì ưa hộ

tâm người rất thù thắng, như sự thích ứng mà phát ra lời nói.

Hỏi: Nguyệt trí khởi nghiệp gì?

Đáp: Là có thể khéo ghi nhớ các việc trong ba đời, tất cả thế gian đều được cung kính, vì thông đạt sự quy ngưỡng của tất cả chúng.

Hỏi: Vô ngại giải khởi nghiệp gì?

Đáp: Là khéo nói pháp yếu, vui với tâm chúng sinh, có thể dứt tất cả các lưới nghi.

Hỏi: Thần thông khởi nghiệp gì?

Đáp: Là ghi thân nghiệp ngữ nghiệp vào tâm, hóa độ dẫn dắt hữu tình khiến nhập thánh giáo, đã khéo biết tất cả tâm hành và quá khứ vị lai của hữu tình rồi, phải truyền dạy khiến cho hữu tình ra khỏi hẳn. Trong đây hiển bày thần cảnh thông, thiên nhĩ thông cho đến lậu tận thông, như thứ lớp của nó có thể khởi công dụng của thân nghiệp để hóa độ dẫn dắt; do thiên nhĩ thông nên hiểu rõ tất cả ngôn âm sai khác, có thể dẫn khởi ngữ nghiệp.

Hỏi: Tướng và tùy hảo khởi nghiệp gì?

Đáp: Là có thể khiến cho vừa thấy, thì đại tượng phu tâm sinh tịnh tín.

Hỏi: Thanh tịnh khởi nghiệp gì?

Đáp: Là do thế lực này mà thủ sinh hữu, tùy theo dục lạc của nó, hoặc trụ một kiếp, hoặc trở lại kiếp khác, hoặc xả thọ hành, hoặc đối với các pháp tự tại chuyển, hoặc đối với các định tự tại chuyển, hoặc trở lại gìn giữ chánh pháp của Phật. Trong đây là nói do chỗ nương thanh tịnh tùy theo sự ưa thích của nó đối với thân nương tựa mà nhiếp lấy trụ, xả tự tại, tức là nhiếp ba câu: Là vì thủ sinh hữu... do cảnh giới thanh tịnh mà trong các pháp đắc tự tại chuyển, do tâm thanh tịnh đối với Tam-ma-địa được tự tại chuyển; do trí thanh tịnh mà gìn giữ chánh pháp vô thượng của Như Lai.

Hỏi: Lực khởi nghiệp gì?

Đáp: Vì trừ bỏ luận vô nhân và luận ác nhân, luận không làm mà được, giảng nói không điên đảo sinh đạo tăng thượng, ngộ nhập chánh thuyết về pháp khí trong tâm hành của tất cả hữu tình, ý lạc, tùy miên, cảnh giới, tư lương nên có thể xuất ly, tùy sự thích ứng của nó mà giảng nói về thắng đạo chắc chắn, hàng phục các ma, khéo có thể ghi nhớ tất cả hỏi đáp bàn luận. Trong đây hiển bày lực bậc nhất và lực đệ nhị có thể thuyết sinh đạo tăng thượng, tám lực còn lại có thể nói về thắng đạo chắc chắn. Như vậy hai thứ hiển bày đầy đủ sự tạo tác của các Phật. Vì sao? Vì Thế Tôn do trí lực xứ phi xứ mà hàng phục tất cả các luận giả

vô nhân, các luận giả ác nhân, giảng nói sinh đạo tăng thượng, không điên đảo các ngoại đạo đối với sinh tăng thượng hoặc cho vô nhân, hoặc cho là tự tánh hoặc tự tại... làm nhân, gọi là luận vô nhân ác nhân. Do trí lực tự nghiệp hàng phục tất cả luận giả không làm mà được của thế gian, là thuyết giảng về đường thiện sinh đạo không điên đảo, các ngoại đạo... cho không khởi nghiệp mà tự nhiên được quả báo, gọi là luận không làm mà được. Do trí lực của vắng lặng, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí mà ngộ nhập tất cả tâm hành của hữu tình. Sự tu hành của tâm nên gọi là tâm hành. Do trí lực căn thượng hạ ngộ nhập tất cả chánh thuyết pháp khí, vì tín căn, tiến căn... nếu khéo thành thực thì có thể làm pháp khí; do các thứ trí lực thắng giải ngộ nhập tất cả ý lạc hơn kém, do các thứ trí lực giới ngộ nhập tất cả cho có thể phá trừ tánh các phiền não của tùy miên, do trí lực biến thú hạnh ngộ nhập cảnh giới là sự thâm nhiếp của tất cả giáo pháp trong Đại thừa và tiểu thừa, do trí lực tức trụ tùy niệm ngộ nhập tất cả sự tập hợp nhân duyên Thánh đạo của tư lương đời trước, gọi đó là tư lương, do trí lực tử sinh ngộ nhập tất cả tánh công năng vị lai, do tử sinh lậu tận ngộ nhập tất cả xuất ly của ba cõi. Do ngộ nhập như vậy rồi, tùy theo sự thích ứng mà giảng nói Thánh đạo giải thoát xuất thế. Mười thứ này gọi là lực, vì có thể khéo hàng phục các ma, khéo có thể ghi nhớ tất cả luận thế gian. Hàng phục các ma, là do mười lực có thể hàng phục ma uẩn, ma phiền não, ma trời và ma chết, vì tối thắng, tuy dứt chướng sở tri nhưng cũng không gây chướng ngại nên gọi là tối thắng. Ghi nhớ tất cả luận thế gian, là đối với xứ phi xứ cho đến lậu tận nhất thiết xứ, tất cả hỏi đáp bàn luận đều ghi nhớ không bị trở ngại.

Hỏi: Vô úy khởi nghiệp gì?

Đáp: Là ở trong đại chúng tự chánh thức lập ra ta là đại sư, hàng phục tất cả ngoại đạo tà nạn. Đại sư, là bậc tự lợi lợi tha nhiều đức tròn đầy. Hàng phục ngoại đạo tà nạn, là có thể hàng phục ngoại đạo tà nạn trong sự thuyết thành Đẳng Chánh Giác của Như Lai dứt hẳn các lậu chướng ngại đạo pháp.

Hỏi: Niệm trụ khởi nghiệp gì?

Đáp: Là có thể không nhiễm ô mà thâm nhiếp nhiếp chế ngự đại chúng, do cung kính lắng nghe không có các phiền não như sân ái...

Hỏi: Bất hộ khởi nghiệp gì?

Đáp: Là có thể không gián đoạn truyền dạy, răn bảo đồ chúng, do không có che giấu bảo hộ nên lo lắng tội lỗi của tự mình được hiển rõ.

Hỏi: Pháp không quên mất khởi nghiệp gì?

Đáp: Là có thể không xả lìa tất cả Phật sự. Vì sao? Vì pháp này đối với các hữu tình hiện tiền xứng với lợi ích thì có thể không buông lung, không vượt qua một sát-na nào!

Hỏi: Dứt hẳn tập khí khởi nghiệp gì?

Đáp: Là lìa các phiền não cũng không hiển hiện sự tạo tác nghiệp tương tự của các phiền não, không giống như Tỳ-kheo A-la-hán vẫn còn hiện các việc lỗi lầm.

Hỏi: Đại bi khởi nghiệp gì?

Đáp: Là ngày đêm sáu thời quán sát khắp thế gian, ai giảm, ai thoái chuyển, ai tăng, ai tiến!

Hỏi: Bất cộng khởi nghiệp gì?

Đáp: Vì nghiệp thân ngữ ý thanh tịnh, vì đắc bất thoái, hoặc hành hoặc trụ, chiếu toả che khuất tất cả hàng Thanh văn, Độc giác, những câu dựa nương như vậy đã nói trước, đối với tướng của ba nghiệp bất cộng thanh tịnh đầy đủ... như tướng xứng mà phối hợp giải thích.

Hỏi: Nhất thiết chủng diệu trí khởi nghiệp gì?

Đáp: Là có thể dứt trừ tất cả lưới nghi của tất cả hữu tình, khiến cho mắt chánh pháp được trụ lâu dài, do đây hữu tình chưa thành thực thì khiến cho thành thực, đã thành thực thì khiến cho giải thoát. “Dứt trừ lưới nghi”, là trí vô ngại đối với tất cả xứ. “Khiến cho chánh pháp nhãn tạng được trụ lâu dài”, là trong tất cả thời gian đó lưới nghi của hữu tình bị cắt đứt, giảng nói vô số pháp môn sai khác, các sự kiết tập theo thứ lớp kết tập không để diệt mất. Dựa vào hữu tình, pháp nhãn chưa thành thực thì khiến cho thành thực, hữu tình đã thành thực thì mau chóng giúp cho giải thoát. Lại nữa, đối với các hữu tình vị hiện quán khi chứng phẩm đạo thù thắng kế sau, thì xả sự đắc các phẩm đạo kém ở trước, như khi chứng đắc sự thâm nhiếp đạo của quả này liền xả sự thâm nhiếp đạo của hương này, vì không còn hiện ở trước.

Lại nữa, ngay trong thời gian này tập đoạn làm chứng, vì khi đắc quả thì dứt hẳn chủng loại phiền não thô nặng được đối trị này khiến không còn thừa, vì chứng đắc chuyển y thắng phẩm.

Lại nữa, đối với Niết-bàn giới vô dư và tất cả Thánh đạo của Thanh văn Độc giác, do đốn xả sự xả bỏ không phải các Bồ-tát nên chỉ nói các Bồ-tát là bậc gốc lành vô tận, bậc công đức vô tận, bậc đốn xả sự xả bỏ, là nghĩa xả rốt ráo không hiện hành, chẳng phải sở đắc Thánh đạo của các Bồ-tát, có xả như vậy vì muốn làm lợi ích cho tất cả hữu tình đều đắc Niết-bàn nên do nhân duyên này mà kinh vô tận tuệ nói: “Các Bồ-tát làm bậc gốc lành vô tận, làm bậc công đức vô tận.”

Hỏi: Lại nữa, vì sao lập ra các việc Vô ký?

Đáp: Vì câu hỏi kia không đúng như lý!

Hỏi: Vì sao câu hỏi kia không đúng như lý?

Đáp: Vì xa lìa nhân quả nhiễm tịnh là lĩnh vực phải suy nghĩ. Trong đây nói Như Lai đối với sự hỏi của ngoại đạo trong các sự thế gian thường hay Vô thường mà lập ra bốn thứ bất khả ký sự. Do sự hỏi kia không đúng lý có thể dẫn đến không có nghĩa lợi.

Hỏi: Thế nào là hỏi đáp bàn luận dẫn đến nghĩa lợi?

Đáp: Là nương vào sự có hỏi đáp bàn luận của bốn thánh đế, do hỏi đáp đàm luận này là sự thâm nhiếp nhân quả nhiễm tịnh phải tư duy.

Hỏi: Lại nữa, vì sao Bồ-tát đã nhập vị siêu thăng lìa sinh của Bồ-tát mà chẳng phải là Dự lưu?

Đáp: Vì đắc đạo bất trụ mà hạnh Dự lưu hoàn toàn không thành tựu.

Hỏi: Vì sao cũng không phải nhất lai?

Đáp: Vì thọ các hữu trong vô lượng đời.

Hỏi: Duyên gì chẳng phải Bất hoàn?

Đáp: Vì an trụ tĩnh lại sinh cõi Dục.

Lại, các Bồ-tát đã đắc hiện quán đế rồi đối với vị tu đạo của mười địa chỉ tu đạo đối trị của sở tri chướng, không phải đạo đối trị của phiền não chướng. Nếu khi đắc Bồ-đề thì dứt ngay phiền não chướng và sở tri chướng, tức thì thành A-la-hán và Như Lai. Các Bồ-tát này tuy dứt hẳn phiền não, nhưng phiền não này cũng như sự ẩn chất độc trong chú thuật và thuốc độc, không khởi tất cả phiền não tội lỗi trong tất cả địa như A-la-hán đã dứt phiền não.

Lại nữa, các Bồ-tát đối với cảnh sở tri phải tu khéo léo, đối với các phương tiện phải tu khéo léo, đối với phân biệt luống dối phải tu khéo léo, đối với vô phân biệt phải tu khéo léo, trong các thời phải tu luyện căn.

- *Cảnh sở tri*, lược có sáu thứ:

1. Mê loạn.
2. Mê loạn chỗ nương.
3. Bất mê loạn chỗ nương.
4. Mê loạn bất mê loạn.
5. Bất mê loạn.
6. Bất mê loạn đẳng lưu.

+ Mê loạn: Là chấp năng thủ, sở thủ.

+ Mê loạn chỗ nương: Là sự hoạt động của thánh trí chỉ có hành tướng phân biệt luống dối làm thể, do có chỗ nương nầy mà tất cả chấp chuyển mê loạn của ngu phu.

+ Không mê loạn chỗ nương, là Chân như, là chỗ nương của trí Vô phân biệt .

+ Mê loạn bất mê loạn: Là thuận theo tất cả các pháp thiện của tuệ Văn, Tư, Tu trí xuất thế phân biệt cảnh sở tri, nên thuận theo trí Vô phân biệt.

+ Bất mê loạn: Là trí Vô phân biệt.

+ Bất mê loạn đẳng lưu: Là pháp thiện sở đắc sau Thánh đạo.

- *Phương tiện khéo léo*, lược có bốn thứ:

1. Khéo léo thành thực hữu tình.
2. Khéo léo tròn đầy pháp Phật.
3. Khéo léo mau chứng thần thông.
4. Khéo léo đạo vô đoạn.

- *Khéo léo thành thực hữu tình*: Là bốn sự nhiếp, vì nhiếp thọ hữu tình kia khiến ở trong pháp thiện.

- *Khéo léo tròn đầy pháp Phật*: Là Tuệ Ba-la-mật-đa, như kinh nói: “Nếu Đại Bồ-tát muốn đắc Thí Ba-la-mật-đa tròn đầy cho đến Nhất thiết chủng diệu trí tánh, thì phải học bát-nhã Ba-la-mật-đa.

- *Khéo léo tốc chứng thần thông*: Là ngày đêm sáu thời phát lồ các điều ác, tùy hỷ công đức, khuyến thỉnh các Phật, hồi hương gốc lành, nói rộng như kinh thánh giả di-lặc sở vấn.

- *Khéo léo đạo vô đoạn*: Là Niết-bàn vô trụ xứ, do khéo léo nầy thường rất ráo không dứt cùng khắp mười phương, tất cả thế giới, tùy sự ứng hóa mà thị hiện tất cả hạnh của Phật Bồ-tát.

- *Luống dối phân biệt*, lược có mười thứ:

1. Căn bản phân biệt.
2. Tướng phân biệt.
3. Tướng hiển hiện phân biệt.
4. Tướng đối khác phân biệt.
5. Tướng hiển hiện đối khác phân biệt.
6. Tha dẫn phân biệt.
7. Bất như lý phân biệt.
8. Như lý phân biệt.
9. Chấp trước phân biệt.
10. Tán loạn phân biệt.

+ Căn bản phân biệt: Là thức A-lại-da, là hạt giống của tất cả

phân biệt.

+ Tướng phân biệt: Là ở sự thọ dụng thức của thân, vì là tướng của sở thủ. Tướng đó lại như thứ lớp mà lấy các Khí thể giới của Sắc căn và Cảnh giới của sắc làm tướng.

+ Tướng hiển hiện phân biệt: Là sáu thức thân và ý, như trước đã nói, vì tướng sở thủ mà hiển hiện.

+ Tướng đối khác phân biệt: Như trước đã nói, là tướng của thân đối khác sinh khởi.

+ Tướng hiển hiện đối khác phân biệt: Là như đã nói trên, tướng của nhãn thức... hiển hiện, đối với vị sai khác của khổ vui mà sinh khởi.

+ Tha dẫn phân biệt: Là tướng Danh Cú Văn thân thuộc về giáo pháp, phân biệt này bị có hai thứ: 1. Nói pháp luật ác làm thể. 2. Nói pháp luật thiện làm thể. Do năng lực tăng thượng này như thứ lớp mà thuộc về dẫn hai tác ý.

+ Bất như lý phân biệt.

+ Như lý phân biệt.

+ Chấp trước phân biệt: Là tất cả phân biệt trong sự khởi phân biệt bất như lý và thuộc về sáu mươi hai kiến.

+ Tán loạn phân biệt: Là tất cả phân biệt trong chốn khởi vô tánh... của phân biệt như lý chấp làm tướng.

Tán loạn phân biệt này lại có mười thứ: 1. Vô tánh phân biệt. 2. Hữu tánh phân biệt. 3. Tăng ích phân biệt. 4. Tổn giảm phân biệt. 5. Nhất tánh phân biệt. 6. Dị tánh phân biệt. 7. Tự tánh phân biệt. 8. Sai khác phân biệt. 9. Tùy danh nghĩa phân biệt. 10. Tùy nghĩa danh phân biệt. Mười thứ phân biệt như vậy này dựa vào Bát-nhã Ba-la-mật-đa phần đầu mà nói. Như kinh nói: “Này Xá-lợi-tử! Bồ-tát đó thật có Bồ-tát, chính là Bồ-tát không tùy quán, chính là Bồ-tát không tùy quán tên đúng là không tùy quán Bát nhã Ba-la-mật-đa, chính là không tùy quán Bồ-đề, chính là không tùy quán hành, chính là không tùy quán bất hành. Vì sao? Vì tự tánh của danh là tánh không chẳng phải không tánh, tự tánh của sắc là không tánh không chẳng phải không, cho đến tự tánh của thức là không tánh không chẳng phải không. Vì sao? Vì sắc và không này tánh chẳng phải tức là sắc cũng không lìa sắc mà có riêng tánh không, sắc tức là tánh không, tánh không tức là sắc, cho đến thức cũng vậy. Vì sao? Vì các pháp này chỉ có danh. Đã nói đây là Bồ-tát Danh, đây là Bồ-tát, đây là bát-nhã Ba-la-mật-đa, đây là Bồ-đề, đây là sắc cho đến đây là thức, vì tự tánh của các pháp kia không sinh, không

diệt, không nhiễm, vô tịnh, khi Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa thì chính là không tùy quán mà sinh, cho đến chính là không tùy quán mà tịnh. Vì sao? Vì đối với sự so lường các pháp kia mà giả đặt tên khách, do tùy tên khách mà khởi lời nói tùy ngôn thuyết như vậy như vậy mà khởi chấp trước như vậy như vậy. Bồ-tát đối với tất cả danh như vậy chính là không tùy quán, vì chính là không tùy quán nên không sinh chấp trước”.

Trong kinh này vì đối trị phân biệt vô tánh nên nói như vậy: “Bồ-tát đó thật có Bồ-tát”, như vậy do câu “Thật có” là nghĩa hữu tánh.

Để đối trị phân biệt hữu tánh, nên nói như vậy: “Chính là không tùy quán Bồ-tát cho đến chính là không tùy quán bất hành”, vì dứt trừ Bồ-đặc-già-la và pháp hai tánh.

Để đối trị phân biệt tăng ích nên nói như vậy: “Vì sao? Vì tự tánh của danh là không”, vì dứt trừ sự chấp Tự tánh Biến kế sở chấp là không thật.

Để đối trị phân biệt tổn giảm, nên nói như vậy: “Chẳng phải không tánh”, vì đối với danh này do tự tánh Biến kế sở chấp xa lìa tánh tất cả thời mà có.

Để đối trị phân biệt nhất tánh nên nói như vậy: “Tánh của sắc không này chẳng phải tức là sắc, cho đến tánh của thức không này chẳng phải tức thức”, vì tự tánh là dị. Vì sao? Vì sắc... là tự tánh Biến kế sở chấp, tánh không là tự tánh Viên thành thật.

Để đối trị phân biệt dị tánh nên nói như vậy: “Cũng không lìa sắc mà có tánh không riêng, cho đến không tánh tức là thức”, vì tự tánh Biến kế sở chấp không có tướng, lìa các vô tánh kia thì không thật có.

Để đối trị phân biệt tự tánh, nên nói như vậy: “Các pháp này chỉ có danh, đã nói đây là sắc, cho đến đây là thức...”, vì lìa năng thuyên thì không có tự tánh sở thuyên quyết định.

Để đối trị Phân biệt sai khác, nên nói như vậy: “Vì tự tánh kia vô sinh cho đến chính là không tùy quán tịnh”, vì dứt trừ tướng sai khác của sinh...

Để đối trị phân biệt tùy danh nghĩa, nên nói như vậy: “Vì đối với điều so lường các pháp kia mà giả đặt tên khách”, do tùy khách danh mà khởi nói năng như vậy.

Để phân biệt tùy nghĩa danh đối trị mà nói như vậy: “Bồ-tát đối với tất cả danh như vậy chính là không tùy quán, chính là không tùy quán nên không sinh chấp trước”, vì tùy nghĩa đối với danh, không thấy không chấp.

- *Vô phân biệt*, lược có ba thứ:

1. Tri túc vô phân biệt.
2. Vô điên đảo vô phân biệt.
3. Vô hý luận vô phân biệt.

Ba thứ như vậy dị sinh Thanh văn và Bồ-tát, như thứ lớp phải biết. Do các dị sinh tùy theo pháp tánh của một Vô thường... đã rốt ráo tư duy rồi liền sinh hỷ túc, là việc đó tất nhiên không có mong gì nhau, gọi đó là tri túc vô phân biệt, lúc đó tất cả tầm tư phân biệt đều dứt mất. Do các Thanh văn trong các uẩn vì đối trị điên đảo của thường... khi quán sát như lý chỉ có các pháp như sắc... liền đắc trí xuất thế gian thông đạt tánh vô ngã, gọi đó là vô điên đảo vô phân biệt. Do các Bồ-tát đã biết pháp của sắc chỉ là hý luận rồi mới có thể trừ diệt tất cả pháp tướng, đắc trí tĩnh xuất thế gian rất vắng lặng, thông đạt cùng khắp Chân như, gọi đó là vô hý luận, vô phân biệt.

Trí vô phân biệt này lại lia năm tướng: 1. Phi vô tác ý. 2. Phi siêu quá. 3. Phi tịch chỉ. 4. Phi tự tánh. 5. Phi sở duyên tác gia hạnh. Gọi là vô phân biệt. Vì sao? Nếu vô tác ý gọi là vô phân biệt thì ngủ mê, say rượu lẽ ra là trí Vô phân biệt, vì sự mê say kia không tư duy được các pháp tướng. Nếu siêu vượt gọi là vô phân biệt thì từ tĩnh lực thứ hai trở lên tất cả địa lẽ ra là trí Vô phân biệt, vì các Tĩnh lực kia siêu vượt tầm tư. Nếu tâm tâm pháp của ba cõi như thế là thể của phân biệt, thì câu nói này liền trái nhau; nếu tịch chỉ gọi là vô phân biệt thì định diệt thọ tướng là trí Vô phân biệt, vì phân biệt tâm tâm pháp trong tịch chỉ kia; hoặc trí như thế đáng lẽ cũng không có, hoặc tự tánh gọi là vô phân biệt thì sắc... đáng lẽ là trí Vô phân biệt, vì các thứ đó không phải phân biệt tự tánh. Nếu đối với sở duyên khởi gia hạnh gọi là Vô phân biệt thì tánh phân biệt lẽ ra là trí Vô phân biệt; nếu cho rằng các tướng nói trên là vô phân biệt thì tướng gia hạnh này tức là tướng phân biệt, do đó trí Vô phân biệt chẳng phải năm tướng kia.

Hỏi: Nếu như thế thì làm sao quán tướng vô hý luận vô phân biệt?

Đáp: Là đối với sở duyên không khởi gia hạnh.

Hỏi: Điều này lại thế nào?

Đáp: Nếu các Bồ-tát quá khứ thuận theo giáo quán sát các pháp, hoặc tánh hoặc tướng đều không chân thật, do quán sát này mà sự giữ gìn của năng lực tập quán, không do gia hạnh trong tất cả pháp Chân như của giới như thật vô hý luận mà nội tâm vắng lặng, như vậy mới gọi là trí vô hý luận Vô phân biệt.

Hỏi: Lại nữa, nếu các Bồ-tát tánh là lợi căn, thì vì sao lại khiến tu luyện căn?

Đáp: Là khiến dựa vào căn lợi duyên để dẫn phát trung căn lanh lợi. Lại dựa vào trung căn lanh lợi để dẫn phát lợi căn lanh lợi. Trước đã nói tất cả tánh Bồ-tát là lợi căn, nhưng lại nói trong tất cả thời phải tu luyện căn, vì đối với tự chủng loại lại có ba phẩm duyên trung thượng, sau đó dẫn phát lẫn nhau, gọi là luyện căn. Nếu khác điều này thì chủng tánh Bồ-đặc-già-la lợi căn đáng lẽ căn chỉ có một phẩm, căn và phẩm sai khác của các Bồ-tát đáng lẽ không thật có, nhưng thật ra là khả đắc, nên lợi căn cũng có sai khác.

